

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 306/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1969, (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Mang Thị L, sinh năm: 1971, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp A, xã B, huyện G, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà L chung sống với nhau từ năm 1994, hôn tự nguyện không ai ép buộc. Ông bà chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Ngày cưới gia đình hai bên có cho vàng cưới nhưng không còn do ông bà đã bán nên ông không yêu cầu giải quyết.

Sau khi cưới, ông bà được cha mẹ cho một căn nhà ở xã B nên ông bà ra riêng. Năm 2014, ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bà L ham mê cờ bạc, thậm chí sang Casino Campuchia đánh bài, thường xuyên lấy đồ đạc trong nhà đi bán để lấy tiền chơi cờ bạc. Ông nhiều lần khuyên bà L bỏ cờ bạc nhưng bà L không nghe nên ông bà thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc

sống gia đình không hạnh phúc. Năm 2014, trong thời gian ông đi làm ở Thái Lan thì bà L bỏ nhà đi nên ông bà sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông bà không gặp nhau để bàn chuyện đoàn tụ, hàn gắn tình cảm mà mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông bà có 01 người con chung là Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1995. Hiện N đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại ông bà nên ông không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 08/5/2018 và qua hòa giải cũng như tại các tài liệu, chứng cứ khác bị đơn bà Mang Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Về hôn nhân, quá trình chung sống như ông H trình bày là đúng. Ông bà thường xuyên cãi nhau và bà có chơi đánh bài vào những ngày tết nhưng không có bán đồ đạc trong nhà. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H có qua lại tình cảm với người vợ cũ bị bà phát hiện và con gái bà có đánh người vợ cũ của ông H, ông H về nhà đốt quần áo, khóa cửa không cho bà vô nhà nên bà sang nhà chị gái ở từ năm 2014 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung như ông H trình bày là đúng. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà chung sống có tài sản chung gồm 01 phần đất cát nhà diện tích ngang 4,5 m x dài khoảng 50 m tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh TN. Trên đất có 01 căn nhà tường; 01 phần đất đồng diện tích ngang 10 m x dài khoảng 70 m tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh TN. Trên đất có trồng cây ăn trái và có 02 cái mả ông bà nội chồng. Hiện do ông H đang quản lý.

Bà yêu cầu chia đôi phần đất đồng sau khi đã trừ diện tích đất có hai cái mả. Còn phần diện tích đất cát nhà và căn nhà thì bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng là ông H và bà L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H; về con chung: ông bà không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung: bà L yêu cầu chia tài sản nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh là

tài sản chung nên Tòa án không thụ lý giải quyết; về nợ chung: ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Mang Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông H và bà L chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống có phát sinh mâu thuẫn, theo ông H thì nguyên nhân là do bà L thường xuyên cờ bạc. Còn bà L thì cho rằng nguyên nhân chính là do ông H còn tình cảm với người vợ cũ bị bà phát hiện nên không cho bà vào nhà nên ông bà sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Ông H xin ly hôn và tại biên bản hòa giải ngày 07-6-2018 bà L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H nên Hội đồng xét xử công nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 người con chung là Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1995. Xét thấy hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được, ông bà cũng không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông H khai không có tài sản chung. Còn bà L thì cho rằng ông bà có tài sản chung gồm: 01 phần đất cất nhà diện tích ngang 4,5 m x dài khoảng 50 m, trên đất có 01 căn nhà tường. Và 01 phần đất đồng diện tích ngang 10 m x dài khoảng 70 m, trên đất có trồng cây ăn trái và có 02 cái mả ông bà nội chôn. Tất cả tài sản chung đều tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện G, tỉnh TN do ông H đang quản lý. Xét thấy, tại bản tự khai đề ngày 08-5-2018 bà L yêu cầu chia đôi tài sản là 02 quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-5-2018, bà L chỉ yêu cầu chia đôi tài sản chung là phần diện tích đất đồng còn lại sau khi đã trừ diện tích đất có hai cái mả. Còn phần diện tích đất cất nhà và căn nhà trên đất thì bà không yêu cầu giải quyết. Còn ông H không đồng ý chia. Từ sau ngày hòa giải lần thứ nhất, Tòa án đã triệu tập bà L nhiều lần để thu thập chứng cứ, cũng như tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do.

[5] Ngày 14-5-2018, Tòa án ban hành Quyết định số 20/2018/QĐ-CCCC về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến phần đất tranh chấp nhưng bà L không cung cấp được diện tích, số thửa đất, tờ bản đồ của phần đất tranh chấp và cũng không làm thủ tục khởi kiện theo quy định của pháp luật dân sự nên chỉ được xem là ý kiến mà không phải là yêu cầu khởi kiện của bà L. Và ông H cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông bà khai không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại nên không giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông H phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh H và bà Mang Thị L.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1995 đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0013359 ngày 18-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG

